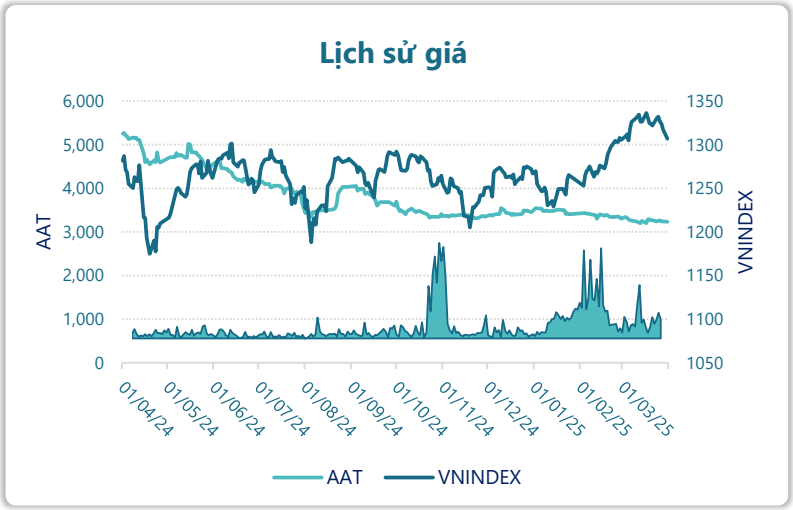
FireAnt

CTCP Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (HSX: AAT)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,230**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,270
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,200
SL cổ phiếu LH	70,819,103
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40,420
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	229
P/E	54.6
EPS	59

DT thuần

Q1/25

207

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 76.0| 58.2%

YoY: ▲ 2.00| 1.1%

LN sau thuế

Q1/25

9.48

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.5| 179%

YoY: ▲ 7.36| 347%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.7%

+/- YoY: ▼ 1.1%

DT thuần

2024

583

tỷ VNĐ

YoY: ▼16.0| -2.7%

LN sau thuế

2024

-8.31

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.84| -237%

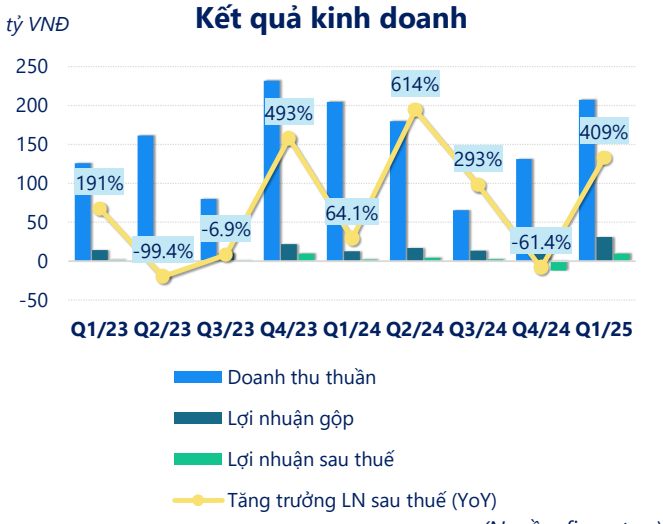
ROE

2024

-1.2%

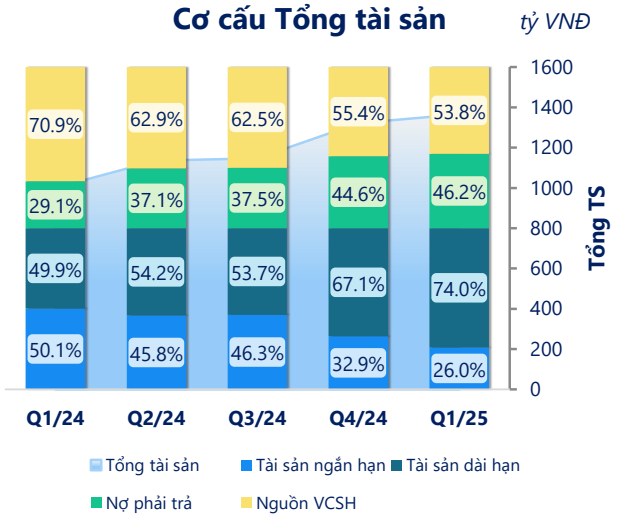
+/- YoY: ▼ 0.8%

Kết quả kinh doanh



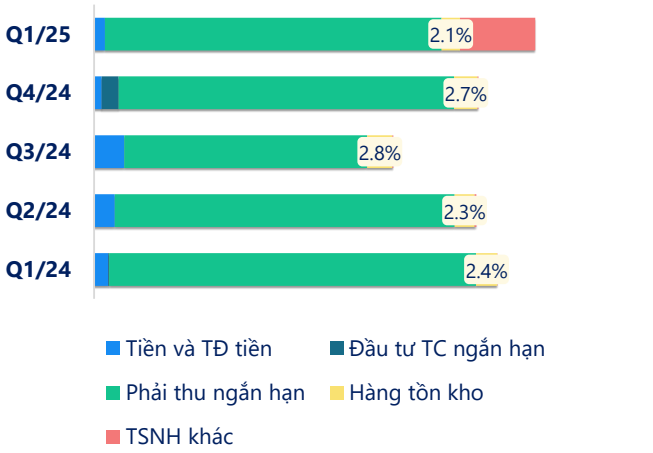
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



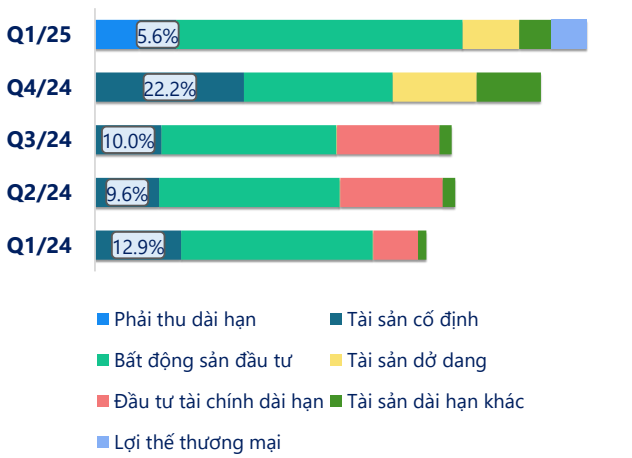
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



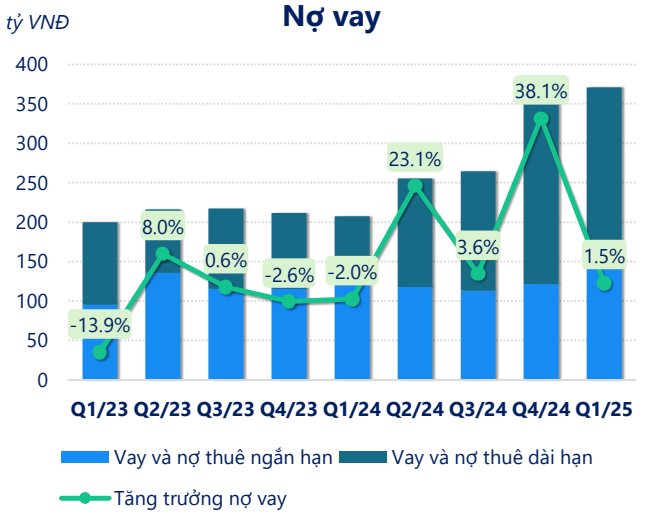
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



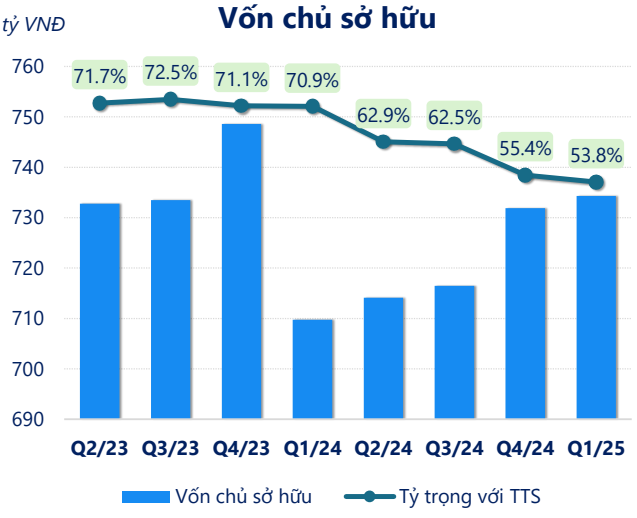
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



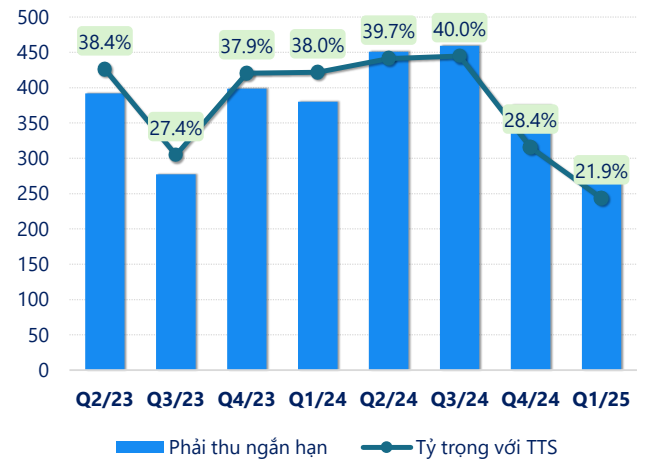
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



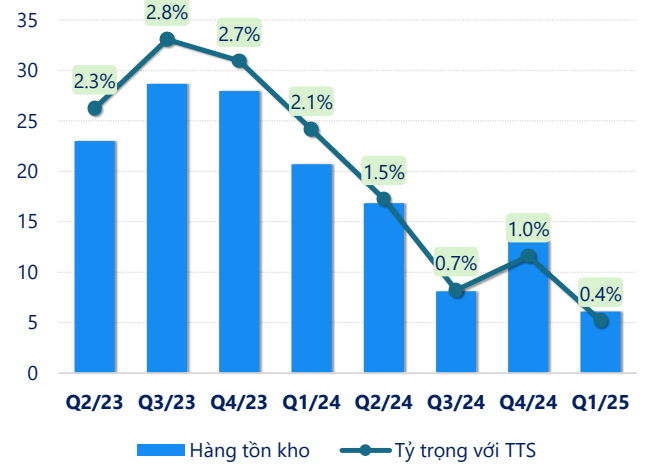
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



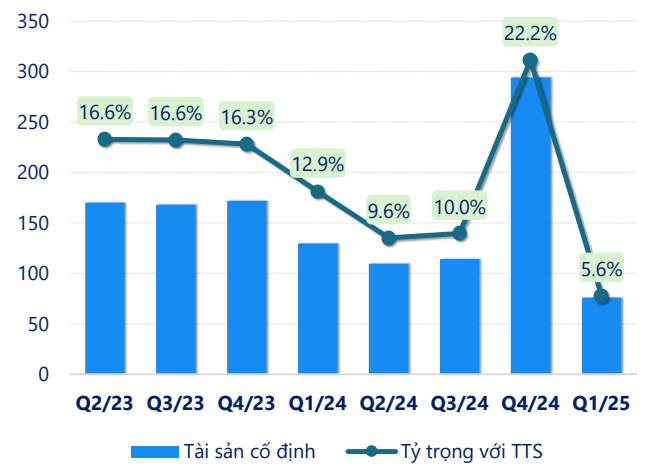
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



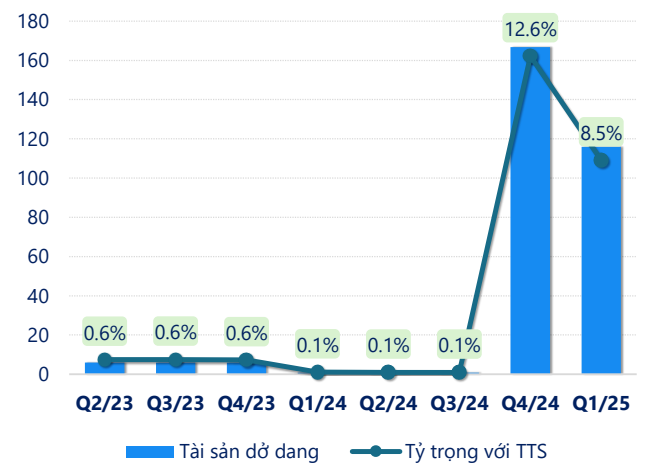
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



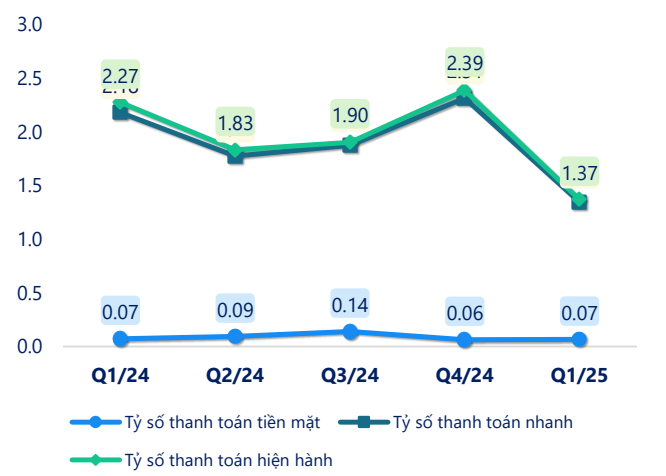
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,001**	**1,136**	**1,147**	**1,322**	**1,365**
Tài sản ngắn hạn	**502**	**520**	**531**	**435**	**355**
Tiền và tương đương tiền	16.0	26.5	39.0	11.5	16.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	25.6	25.0	26.6	25.7
Phải thu ngắn hạn	380	451	459	375	299
Hàng tồn kho	20.7	16.8	8.10	13.1	6.09
Tài sản ngắn hạn khác	85.1	0.12	0.12	8.37	7.57
Tài sản dài hạn	**499**	**616**	**616**	**887**	**1,010**
Phải thu dài hạn	0.34	0.34	0.34	2.15	90.9
Tài sản cố định	130	110	114	294	75.8
Bất động sản đầu tư	289	308	302	296	589
Tài sản dở dang	0.81	0.81	0.81	167	116
Đầu tư tài chính dài hạn	67.3	175	177	0	0
Tài sản dài hạn khác	12.3	21.2	20.8	128	66.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	72.7
Nợ phải trả	**291**	**422**	**431**	**590**	**631**
Nợ ngắn hạn	**221**	**284**	**279**	**182**	**260**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	137	118	113	121	170
Phải trả người bán ngắn hạn	15.7	14.4	17.9	21.4	15.3
Nợ dài hạn	70.3	138	151	408	371
Vay và nợ thuê dài hạn	70.3	138	151	244	200
Nguồn vốn chủ sở hữu	**710**	**714**	**716**	**732**	**734**
Vốn chủ sở hữu	**710**	**714**	**716**	**732**	**734**
Vốn điều lệ	708	708	708	708	708
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)